

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HS-ST  
Ngày: 27/9/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Lê Phương Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Hoà.

Ông Nguyễn Châu Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phú – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đức Bát - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

**1. Võ Minh T;** sinh năm 1995, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú tại: Đ, thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn V và bà: Võ Thị H; vợ: Trần Thị Thanh N - Sinh năm: 2001; con: có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị Toà án nhân huyện H, tỉnh Quảng Trị xử phạt 04 tháng 13 ngày tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Bản án số 08/2020/HS-ST ngày 29/7/2020, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2023 cho đến nay tại nhà tạm giữ thị xã Q - Có mặt tại phiên toà.

**2. Nguyễn Văn Đ;** sinh năm 1998, tại tỉnh Quảng Trị;

Nơi cư trú: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ1 và bà Trần Thị T1; vợ: Ngô Kiều P - Sinh năm: 1996. Con: có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án/tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2023 cho đến nay tại nhà tạm giữ thị xã Q - Có mặt tại phiên toà.

**3. Võ Quang H1** (Tên gọi khác: Gôn); sinh năm 2003, tại tỉnh Quảng Trị.

Nơi cư trú: Khu phố D, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ T2 và bà Nguyễn Thị Thanh L; vợ, con: Chưa có.

Tiền án/tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2023 cho đến nay tại nhà tạm giữ thị xã Q - Có mặt tại phiên toà.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Ông Lê Ngọc L1; sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H2; sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

***Người làm chứng:***

Anh Trần C; sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

Chị Trần Thị T3; sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị - VẮNG MẶT.

Chị Phạm Thị Thanh T4; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị - VẮNG MẶT.

Chị Mai Thị Diệu Á; sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị - VẮNG MẶT.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 31/01/2023, Võ Minh T, Nguyễn Văn Đ, Võ Quang H1 và Trần C – Sinh năm: 1987, trú tại: thôn T, xã H, thị xã Q, đến quán Quang H3 ở thị xã Q để nhậu, tại đây T, Đ, H1 nảy sinh ý định mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Đến khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, T liên hệ đặt phòng và cùng với Đ, H1 và C đến quán K do ông Lê Ngọc L1 – Sinh năm: 1962, trú tại: khu phố D, phường A, thị xã Q làm chủ, để hát và sử dụng ma túy. Sau khi vào phòng số 02 quán K, T đi bộ một mình ra phía đường Bà T5, thị xã Q và gặp 01 người thanh niên tên thường gọi là “Chó” (*không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể*) để mua 02 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo và 01 túi nilon có chứa ma túy loại Ketamin với tổng số tiền 1.500.000đồng. Sau đó, T đến khu vực rửa chén bát của quán K lấy 01 cái đĩa sứ, rồi vào lại phòng hát. Tại đây, T chia 01 viên ma túy dạng kẹo ra làm hai phần, một phần để sử dụng, phần còn lại đưa cho C để sử dụng. H1 cũng lấy 01 viên ma túy dạng kẹo, chia làm hai phần, một phần để sử dụng, phần còn lại đưa cho Đ sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy dạng kẹo xong, T mở túi nilon đổ ma túy Ketamin dạng tinh thể màu trắng ra đĩa sứ, rồi hỏi Đ có thể để “xào” (*tức là tán mịn và chia ma túy ra thành nhiều đường nhỏ*) không thì Đ liền lấy trong ví ra 01 thẻ thành viên Membership, màu đen đưa cho T. T dùng bật lửa có sẵn trên bàn để đốt, hơi nóng đĩa sứ rồi sử dụng thẻ mà Đ đã đưa để trực tiếp “xào” ma túy Ketamine. Trong lúc này, H1 cũng hỏi Đ có tờ tiền polime nào hay không, thì Đ

tiếp tục lấy trong ví ra 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đồng đưa cho H1 để H1 quấn thành 01 chiếc ống hình trụ tròn làm dụng cụ hít ma túy Ketamine vào bằng đường mũi.

Sau khi “xào” xong ma túy, Thiện hít ma túy Ketamine vào cơ thể thông qua đường mũi, rồi để ống, đĩa sứ có chứa ma túy cho Đ, H1 và C cùng nhau lần lượt sử dụng gần hết lượng ma túy Ketamine trên đĩa sứ.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T nhờ Mai Thị Diệu Á – Sinh năm: 1989 (ở tại quán K) gọi Trần Thị T3 – Sinh năm: 1994, trú tại: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và Phạm Thị Thanh T4 – Sinh năm: 1993, trú tại: xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị, đến để rót bia và bấm bài hát. Khi T3 và T4 vừa vào phòng khoảng từ 05 đến 10 phút thì lực lượng Công an thị xã Q vào kiểm tra và phát hiện bắt quả tang.

Kết quả xét nghiệm nhanh chất ma túy trong nước tiểu của T, Đ, H1, C dương tính với chất ma túy; còn T3, T4 âm tính với chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 165/KL-KTHS ngày 07/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận:

- Các tinh thể màu trắng (được niêm phong trong túi niêm phong có ký hiệu NS4 2183549) có khối lượng 0,7341g là ma túy loại Ketamine.

- Tìm thấy chất ma túy Ketamine trên bề mặt các đồ vật được niêm phong trong túi niêm phong có ký hiệu NS2 2120871.

- Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT: 40 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Quá trình điều tra đã thu giữ:

- Các chất tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp loại Ketamine được niêm phong trong túi niêm phong có mã số NS4 2183549.

- 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, đường kính 20,5cm.

- 01 bật lửa màu xanh, trên thân có chữ “Viva”.
- 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đồng số seri EM 21207426, được cuộn thành hình ống trụ tròn, hai đầu được cố định bằng 02 đầu lọc thuốc lá màu vàng, dài 13,5cm, đường kính 0,8cm.
- 01 thẻ thành viên Membership, màu đen, có kích thước (8,5x5,5)cm.
- 01 túi nilon màu trắng, kích thước (5x4)cm.
- 01 thẻ ATM V1, trên thân có chữ “DOAN THI NGOC QUYEN” có kích thước (8,5x5,5)cm, có số: 97043668 08400548 030.
- 01 điện thoại di động Iphone 6plus, màu trắng, số IMEI: 355732077553393.
- 01 điện thoại di động Iphone XSMax, màu trắng, số IMEI: 353112101718217.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh ngọc, số máy: MLL93VN/A, số Sêri: YTV4M9NX0D.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI: 358686321713939.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đen, số máy: NT6F2LL/A ; số Seri: GR6CP03HKPHC.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu đen, số máy: MLL93VN/A ; số Seri: Y02JN03N17.
- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu xám đen, biển số: 74F1-429.81.
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, số: 74-007654, chủ sở hữu Võ Minh T, biển số đăng ký: 74F1-42.981.
- 01 điện thoại di động Iphone 13 PROMAX, màu xanh, có gắn sim điện thoại: 0385444110.
- 01 điện thoại di động Iphone 13 PRO, màu xám, số IMEI: 359206409201159.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-TXQT ngày 11/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo Võ Minh T, Nguyễn Văn Đ, Võ Quang H1 về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị giữ nguyên quyết định truy tố, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Võ Minh T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, bị cáo Võ Quang H1 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tháng tù, thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/01/2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đồng số seri EM 21207426.

- Số ma túy hoàn lại sau giám định là chất cấm tàng trữ, cấm lưu hành và toàn bộ bao gói, các vật dụng còn lại không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với chứng cứ khách quan có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 31/01/2023, lực lượng Công an thị xã Q bắt quả tang các bị cáo Võ Minh T, Nguyễn Văn Đ, Võ Quang H1 đã cùng nhau thống nhất tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với anh anh Trần C, chị Trần Thị T3 và chị Phạm Thị Thanh T4 tại quán K thuộc Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Kết quả xét nghiệm nhanh chất ma túy trong nước tiểu của các bị cáo T, Đ, H1 và anh C dương tính với chất ma túy; còn chị T3, chị T4 âm tính với chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 165/KL-KTHS ngày 07/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận:

- Các tinh thể màu trắng (được niêm phong trong túi niêm phong có ký hiệu NS4 2183549) có khối lượng 0,7341g là ma túy loại Ketamine.

- Tìm thấy chất ma túy Ketamine trên bề mặt các đồ vật được niêm phong trong túi niêm phong có ký hiệu NS2 2120871.

- Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT: 40 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy đồng thời còn là nguyên nhân gây mất ổn định trật tự trị an, an toàn xã hội, làm phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ tác hại của ma túy và sự trừng trị nghiêm khắc của pháp luật đối với những hành vi trái phép liên quan đến ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị truy tố các bị cáo Võ Minh T, Nguyễn Văn Đ, Võ Quang H1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về nhân thân, bị cáo T đã từng bị xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép*”

*chất ma túy*”. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Võ Minh T có bố là người có công với cách mạng (thương binh loại A, thương tật hạng 4/4 - 32%); vào tháng 4 năm 2008, bị cáo Võ Minh T có hành động cứu người bị đuối nước tại Kênh thủy lợi đoạn qua thôn T, xã H, huyện H và được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS

[4] Về hình phạt: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đồng phạm giản đơn. Võ Minh T là người bỏ ra số tiền 1.500.000đồng, liên hệ đặt phòng để sử dụng ma túy, trực tiếp đi mua ma túy, lấy đĩa sứ và “xào” ma túy nhằm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Nguyễn Văn Đ là người cung cấp 01 thẻ thành viên Membership để cho T “xào” ma túy và 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đồng để cho H1 làm dụng cụ hít ma túy. Võ Quang H1 là người lấy tờ tiền mệnh giá 20.000đồng của Đ để làm dụng cụ hít ma túy nhằm phục vụ việc đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của bản thân và của người khác.

Xét hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo Đ và bị cáo H1 và áp dụng khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có không thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền.

[5] Bị Võ Minh T, Nguyễn Văn Đ, Võ Quang H1 đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, căn cứ Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, cần tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo để đảm bảo chấp hành án.

[6] Xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu xám đen, biển số: 74F1-429.81; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, số: 74-007654, biển số đăng ký: 74F1 -



429.81; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đen, số máy: NT6F2LL/A; số Seri: GR6CP03HKPHC và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu đen, số máy: MLL93VN/A; số Seri: Y02JN03N17 đã trả lại cho chủ sở hữu là Võ Minh T.

- 01 điện thoại di động Iphone 6plus, màu trắng, số IMEI: 355732077553393; 01 điện thoại di động Iphone XSMax, màu trắng, số IMEI: 353112101718217 đã trả lại cho chủ sở hữu là Trần C.

- 01 điện thoại di động Iphone 13 PROMAX, màu xanh, có gắn sim điện thoại: 0385444110 đã trả lại cho chủ sở hữu là Trần Thị T3.

- 01 điện thoại di động Iphone 13 PRO, màu xám, số IMEI: 359206409201159 đã trả lại cho chủ sở hữu là Phạm Thị Thanh T4.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh ngọc, số máy: MLL93VN/A, số Sêri: YTV4M9NX0D đã trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Văn Đ.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI: 358686321713939 đã trả lại cho chủ sở hữu là Võ Quang H1.

Việc trả lại tài sản trên không ảnh hưởng đến kết quả xử lý vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đồng số seri EM 21207426.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu, tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định là chất cấm tàng trữ, cấm lưu hành và toàn bộ bao gói, các vật dụng còn lại không có giá trị sử dụng.

[7] Việc bị cáo T khai mua ma túy của một người tên thường gọi là “Chó” nhưng bị cáo T không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q đã tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả, khi nào xác định được sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với anh Trần C không biết các bị cáo T, Đ và H1 thống nhất cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cũng như không góp tiền, không làm các dụng cụ để sử dụng ma túy nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Ông Lê Ngọc L1 là chủ quán K nhưng không biết việc các bị cáo T, Đ, H1 và anh C sử dụng trái phép chất ma túy tại quán nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, hành vi của ông Lê Ngọc L1 và anh Trần C đã vi phạm Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến Công an thị xã Q để xử phạt hành chính theo thẩm quyền.

Đối với chị Mai Thị Diệu Á gọi cho chị Trần Thị T3, rồi chị T3 gọi chị Phạm Thị Thanh T4 đến nhằm mục đích để rót bia và bầm bài hát cho khách. Khi chị T3 và chị T4 vừa vào phòng khoảng từ 05 đến 10 phút thì lực lượng Công an thị xã Q vào kiểm tra, chị T3 và chị T4 âm tính với chất ma túy, nên không xem xét.

Đối với chị Đoàn Thị Ngọc Q – Sinh năm: 1995, trú tại: xã V, huyện C, tỉnh An Giang là chủ sở hữu thẻ ATM V1, có số: 97043668 08400548 030 mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q đã thu giữ, chị Q hiện tại không còn sử dụng thẻ ATM trên. Chị Q không biết việc các bị cáo dùng thẻ của mình vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vi các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo: Võ Minh T, Nguyễn Văn Đ, Võ Quang H1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án của mỗi bị cáo tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 31/01/2023.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm tù, bị cáo Võ Quang H1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành án của mỗi bị cáo tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 31/01/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu huỷ:

+ 03 túi niêm phong có ký hiệu mã số lần lượt: PS3A 1908242, PS2 1902711, PS3 1905460, đều được dán kín các mép, bên ngoài các túi niêm phong có chữ ký của những người tham gia niêm phong, đóng dấu của phòng K1 Công an tỉnh Q.

+ 01 (một) Thẻ ATM V1, trên thẻ có chữ "DOAN THỊ NGỌC QUYEN" kích thước (5,5 x 8,5)cm (được mở ra từ gói niêm phong, ký hiệu mã số PS3 2141777);

+ 01 (một) thẻ thành viên member ship, màu đen, có kích thước (8,5 x 5,5)m được mở ra từ gói niêm phong, ký hiệu mã số PS3 2141776).

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2023 giữa Công an thị xã Q và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đồng số seri EM 21207426. Tài sản hiện đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước thị xã Q, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận số 03/2023/BBBG-KBTX ngày 20/3/2023 giữa Công an thị xã Q và Kho bạc Nhà nước sự thị xã Q.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Võ Minh T, Nguyễn Văn Đ, Võ Quang H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Quảng Trị; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TX. Quảng Trị;
- Công an thị xã Quảng Trị (3 bản);
- Chi cục THA dân sự TX Quảng Trị;
- Sở Tư pháp T. Quảng Trị;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an TXQT;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hoàng Lê Phương Thảo**







